



Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----o0o----

Số: 02/2025/QĐ-HĐQT-BT6

Bình Dương, ngày 01 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6 NK.2021-2026
V/v ban hành Quy chế Công bố thông tin

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Beton 6, số 3700364079, do sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Beton 6 ngày 30/12/2021;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 02/2025/BBH-HĐQT-BT6 ngày 01/04/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là “**Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Beton 6**”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc, Trưởng Phòng ban nghiệp vụ Công ty, các Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRINH THANH HUY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

.....

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-HĐQT-BT6 ngày 01/04/2025
của Hội đồng quản trị)

Bình Dương, ngày 01 tháng 04 năm 2025

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Beton 6 trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các tập thể, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Người công bố thông tin;
- b) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- c) Các cá nhân, phòng ban liên quan: gồm Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Hành chính Nhân sự, Hội đồng quản trị Công ty, Thư ký HĐQT, Ban giám đốc Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty.

Điều 2. Kí hiệu viết tắt

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PRO: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán.
- HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS: Hệ thống quản lý thông tin công ty của HNX
- VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN: Thị trường chứng khoán Việt Nam
- CBTT: Công bố thông tin
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- KSV: Kiểm soát viên
- TGD: Tổng Giám đốc
- PTGD: Phó Tổng Giám đốc
- KTT: Kế toán trưởng
- P.KT-TC: Phòng Kế toán – Tài chính

- P.HCNS: Phòng Hành chính nhân sự
- BCTC: Báo cáo tài chính
- GCNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- NCLQ: Người có liên quan.
- NNB: Người nội bộ.
- CTĐC: Công ty Đại chúng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Beton 6, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079, đăng ký lần đầu ngày 05/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
2. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Beton 6.
3. “Người nội bộ” là:
 - a. Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS;
 - b. TGD, PTGD hoặc các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm, cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - c. Giám đốc tài chính, KTT;
 - d. Người đại diện pháp luật, người được uỷ quyền CBTT, người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty.
4. “Người CBTT” là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được uỷ quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố.
5. “Người có liên quan” cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây gồm:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

- đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty;
- h) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- i) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- j) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- k) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- l) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. “Ngày CBTT” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT.
8. “Ngày báo cáo về việc CBTT” là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT, tùy theo thời điểm nào đến trước.
9. “Dữ liệu điện tử dùng CBTT” là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
10. “Bản scan văn bản dùng CBTT” phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
11. “Văn bản hợp lệ” là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
- a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân;
- b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

12. “Trang thông tin điện tử” là website của Công ty <https://www.beton6.com/>.
13. “Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng” là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.
14. “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán” là tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng CBTT phải theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
3. Khi CBTT, đối tượng CBTT tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và HNX về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định;
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Số thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý;
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện CBTT.
6. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên website của Công ty tối thiểu là 05 năm;
7. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên Website Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Ngôn ngữ CBTT

1. Công ty công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Công ty công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Điều 6. Người thực hiện CBTT

1. Người thực hiện CBTT là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 7. Phương tiện CBTT

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty https://www.beton6.com/ .
2	UBCKNN	Hệ thống CBTT của UBCKNN – IDS Pro
3	SGDCK	Trang thông tin điện tử của HNX – Hệ thống CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp.	Trang thông tin điện tử của VSDC, báo in, báo điện tử,...

1. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên chuyên mục về quan hệ cổ đông trên website của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
2. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

Điều 8. Tạm hoãn CBTT

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC, Công ty phải có văn bản giải trình kèm theo BCTC.
2. Công ty phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát

xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trong trường hợp kết luận soát xét không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần, Công ty phải có văn bản giải trình kèm theo BCTC.

3. Công ty phải công bố BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các BCTC nêu tại Khoản 1,2,3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Công ty phải lập báo cáo thường niên và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

6. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn 24 giờ.

7. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
4. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).
12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.
13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
15. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
16. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;
19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
20. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.
21. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên Website của Công ty, SGDCK, VSDC và UBCKNN.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Điều 13. Công bố thông tin của các đối tượng khác

1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn:

Công ty phải công bố trên Website của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

2. CBTT về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, Công ty phải công bố trên Website của Công ty.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Xử lý thông tin công bố

Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, tiến hành kiểm tra tính chính xác của các nội dung báo cáo, công bố của các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này; thực hiện đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT của UBCKNN, SGDCK; chỉnh sửa hoặc lập báo cáo mới, công bố theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 15. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các tập thể, cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các tập thể, cá nhân được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải ngay lập tức lập báo cáo, công bố theo quy định hiện hành gửi người CBTT hoặc thông báo trực tiếp cho người CBTT. Trưởng các phòng chuyên môn chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng chuyên môn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 08 (tám) giờ đồng hồ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.
4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.

Điều 18. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 3 chương, 18 điều, được HĐQT Công ty Cổ phần Beton 6 nhất trí thông qua ngày 01/04/2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRỊNH THANH HUY